

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2017/HSST

Ngày: 28 - 7 - 2017.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Nam.

2. Ông Dương Đắc Hoan.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng, cán bộ
Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên
tòa:** Ông Đặng Trần Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế,
số 11 Tôn Đ Thắng, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm vụ án Hình Sự thụ lý số
12/2017/HSST ngày 17 tháng 3 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 16/01/1984, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi
ĐKHKT: 84 NT, phường TH, thành phố H; chỗ ở hiện nay: 47 MĐC, phường PC,
thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên
thủ quỹ Xí Nghiệp TL (DNTN); Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo:
Không; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958 và bà Tôn Nữ Huyền T, sinh năm
1959; Chồng là Lê Minh Đ, sinh năm 1981; Con: 01 con (sinh năm 2005); Tiền án,
tiền S: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- Người bào chữa: Luật sư Bảo C, Văn phòng Luật sư Bảo C, thuộc Đoàn luật
sư tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: 11A Trần Cao Vân, thành phố Huế. Có mặt.

- Nguyên đơn dân S: Xí nghiệp TL (DNTN), do ông Lê Minh L, sinh năm
1957, Chủ doanh nghiệp đại diện. Có mặt.

Địa chỉ: 11 ĐTH, phường PH, thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị S, sinh năm 1957. Địa chỉ: 11 ĐTH, phường PH, thành phố H.

2. Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1981. Trú tại: 84 NT, phường TH, thành phố H,
tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Chị Tôn Nữ Diễm Tr, sinh năm 1970. Trú tại: Thôn LT, xã PTg, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Trịnh Thiên P, sinh năm 1973. Trú tại: 08/26 NTT, phường TH, thành phố H. Có mặt.

5. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1968. Trú tại: Thôn LT, xã PTg, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

6. Chị Trần Thị La L, sinh năm 1971. Trú tại: 19/29 LĐ, phường PĐ, thành phố H. Có mặt.

7. Anh Lê Hữu Th, sinh năm 1975. Trú tại: Thị trấn S, huyện QĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

8. Chị Lê Thị Như M, sinh năm 1967. Trú tại: 27 ĐP, phường TL, thành phố H. Có mặt.

9. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979. Trú tại: 29 NĐK, phường TT, thành phố H. Có mặt.

10. Chị Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1981. Trú tại: 30/63 Trần Quý Khoán, phường Hương Sơ, thành phố Huế. Có mặt.

11. Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1985. Trú tại: 28 ĐCT, phường TT, thành phố H. Có mặt.

12. Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1959. Trú tại: 110 PCT, phường PV, H. Có mặt.

13. Bà Tôn Nữ Huyền TR, sinh năm 1959. Trú tại: 47 đường MĐC, phường PC, H. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lợi dụng chức năng nhiệm vụ được giao, từ tháng 9/2011 đến tháng 8/2014, Nguyễn Thị Quỳnh N - nguyên thủ quỹ của Xí Nghiệp TL (DNTN) đã thu tiền bán hàng sữa, phụ tùng ô tô từ nhân viên bán hàng của Xí nghiệp TL nhưng chỉ nhập một phần vào quỹ tiền mặt của Xí nghiệp TL, số còn lại chiếm đoạt chi tiêu cá nhân số tiền 1.327.031.000 đồng. Cụ thể như sau:

I. Hành vi chiếm đoạt tài sản của Xí Nghiệp TL từ tiền bán hàng sữa:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2011 đến tháng 10/2013, Nguyễn Thị Quỳnh N đã thu tiền từ 08 nhân viên bán hàng sữa của Xí Nghiệp TL, nhưng không nhập quỹ tiền mặt của Xí nghiệp TL mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân số tiền: 1.046.006.800 đồng. Cụ thể:

1. Nguyễn Thị Quỳnh N thu từ chị Tôn Nữ Diễm Tr 3.663.400.000 đồng, Nhi nhập quỹ 2.776.352.000 đồng, chiếm đoạt 887.048.000 đồng;

2. Thu từ chị Nguyễn Thị Ngọc A 1.261.694.300 đồng, nhập quỹ 1.258.693.500 đồng, chiếm đoạt 3.000.800 đồng;

3. Thu từ anh Trịnh T P 5.172.401.900 đồng, nhập quỹ 5.171.815.000 đồng, chiếm đoạt 586.900 đồng;

4. Thu từ anh Nguyễn Văn C 15.378.349.500 đồng, nhập quỹ 15.332.613.900 đồng, chiếm đoạt 45.735.600 đồng;

5. Thu từ chị Trần Thị La L 6.457.181.300 đồng, nhập quỹ 6.434.729.300 đồng, chiếm đoạt 22.452.000 đồng;

6. Thu từ anh Lê Hữu Th 13.592.331.500 đồng, nhập quỹ 13.568.485.000 đồng, chiếm đoạt 23.846.500 đồng;

7. Thu từ chị Lê Thị Như M 29.938.912.400 đồng, nhập quỹ 29.927.812.400 đồng, chiếm đoạt 11.100.000 đồng;

8. Thu từ anh Nguyễn Văn T 1.169.459.000 đồng, nhập quỹ 1.117.222.000 đồng, chiếm đoạt 52.237.000 đồng;

II. Hành vi chiếm đoạt tài sản của Xí Nghiệp TL từ tiền bán phụ tùng ô tô:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2011 đến tháng 8/2014, Nguyễn Thị Quỳnh N đã thu từ 02 nhân viên bán phụ tùng của Xí Nghiệp TL là chị Nguyễn Thị Diệu H và Nguyễn Thị Phương T với tổng số tiền là 2.049.048.700 đồng, N nhập quỹ 1.768.024.500 đồng, chiếm đoạt 281.024.200 đồng.

Tổng số tiền N đã chiếm đoạt của Xí nghiệp TL là 1.327.031.000 đồng. Theo lời khai của N, N đã đưa cho chồng là anh Lê Minh Đ khoảng 700.000.000 đồng để xây dựng nhà ở tại 84 Nguyễn Trãi, phường Thuận Hòa, thành phố Huế; sử dụng chi tiêu trong gia đình khoảng 400.000.000 đồng và chi mua sắm nội thất trong gia đình khoảng 300.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân S: Bị cáo đã nộp lại 1.450.000.000 đồng (nộp tại Xí nghiệp TL 150.000.000 đồng và tại Cơ quan điều tra 1.300.000.000 đồng) để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Ngày 20/01/2017, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 02/PC46, trả lại cho ông Lê Minh L - Giám đốc Xí nghiệp TL (DNTT) số tiền 1.177.031.000 đồng và ra Lệnh nhập kho vật chứng số tiền 122.969.000 đồng để bảo đảm xét xử và thi hành án.

Tại bản Cáo trạng số 08/QĐ/KSĐT ngày 16/3/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a Khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình Sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình S; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình Sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Lời bào chữa của luật sư: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình, thừa nhận việc làm của bị cáo là sai và ăn năn hối cải về việc bị cáo đã làm, nhưng luật sư cho rằng hành vi nêu trên của bị cáo không phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đây chỉ là quan hệ dân sự bởi bị cáo là con dâu của ông Lê Minh L.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội đó phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, những có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa. Đã có cơ sở để kết luận:

Từ năm 2004, Nguyễn Thị Quỳnh N là con dâu của ông Lê Minh L - chủ Xí Nghiệp TL (DNTN). Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2011 đến tháng 8/2014, Nguyễn Thị Quỳnh N được ông Lê Minh L giao nhiệm vụ làm thủ quỹ để thu tiền từ các nhân viên bán hàng, sau đó nhập quỹ của Xí nghiệp. Nguyễn Thị Quỳnh N đã dùng thủ đoạn gian dối là thu tiền bán hàng sữa, phụ tùng ô tô từ nhân viên bán hàng của Xí nghiệp TL nhưng chỉ nhập một phần vào quỹ tiền mặt của Xí nghiệp Thành L, số còn lại chiếm đoạt chi tiêu cá nhân số tiền 1.327.031.000 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi bảy triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng).

Với các hành vi và thủ đoạn trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a Khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình Sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Lời bào chữa của luật sư cho rằng bị cáo không phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét thấy, đây là vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng. Bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N là người có năng lực trách nhiệm Hình Sự, nhận thức rõ việc dùng thủ đoạn nhập thiếu quỹ tiền mặt để chiếm đoạt tài sản của Xí nghiệp TL là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến tài sản của Xí nghiệp TL mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Trong quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo N đã lợi dụng mình là thủ quỹ có nhiệm vụ thu tiền từ các nhân viên bán hàng, rồi dùng thủ đoạn gian dối là nhập quỹ tiền mặt thiếu vào quỹ của Xí nghiệp TL nhiều lần nhằm chiếm đoạt số tiền 1.327.031.000 đồng; bị cáo phạm tội nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình Sự được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình Sự. Vì vậy, cần xử lý thích đáng, nghiêm minh để giáo dục và phòng ngừa.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, nghĩ nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình Sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả; có thái độ thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình Sự. Bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản trong thời gian dài cũng có phần do việc kiểm tra, giám sát của Xí nghiệp TL không chặt chẽ, tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật Hình Sự, đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại nên cần áp dụng Điều 47 Bộ Luật Hình Sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục phòng ngừa. Do Điều 175 Bộ luật Hình Sự 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn so với Điều 140 Bộ luật Hình Sự 1999 nên cần áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình Sự 2015 để áp dụng Điều 175 Bộ luật Hình Sự 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N đã chiếm đoạt tổng số tiền 1.327.031.000 đồng của Xí nghiệp Thành L. Bị cáo Nhi đã nộp lại số tiền 1.450.000.000 đồng. Xí nghiệp TL đã nhận đủ số tiền 1.327.031.000 đồng (nhận tại cơ quan điều tra 1.177.031.000 đồng và bị cáo Nhi nộp lại 150.000.000đ). Số tiền bị cáo nộp thừa 122.969.000 đồng cần trả lại cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N khai và anh Lê Minh Đ (chồng bị cáo Nhi) cũng thừa nhận bị cáo Nhi có đưa cho anh Đ số tiền 700.000.000 đồng trong số tiền đã chiếm đoạt để xây dựng nhà ở tại 84 Nguyễn Trãi. Số tiền bị cáo nộp tại Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả là mượn của mẹ là bà Tôn Nữ Huyền TR. Do bị cáo Nhi đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của Xí nghiệp TL nên vợ chồng anh Lê Minh Đ, Nguyễn Thị Quỳnh N và bà Tôn Nữ Huyền TR tự giải quyết, nếu không giải quyết được sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 140; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình Sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình Sự 2015; Điều 175 Bộ luật Hình Sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N 5 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng Điều 42 Bộ Luật Hình Sự, Điều 76 Bộ Luật Tổ tụng Hình Sự;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N số tiền 122.969.000 đồng.

(Số tiền này hiện đang tạm gửi tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-KSĐT ngày 16/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.)

Án phí Hình Sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu 200.000 đồng.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho bị cáo, nguyên đơn dân S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Người có qlnvql;
- Sở Tư pháp;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Lưu HSVA, THS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Lộc